

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 04 - 6 - 2025.

V/v ly hôn giữa chị Hằng và anh Sơn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Đàm Văn Kiều.
- Ông Lê Đức Chạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H – Sinh năm 1981;
Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S – Sinh năm 1974;
Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H, anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Thu H vắng mặt nhưng chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn S vào tháng 01/2006 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thị trấn L, huyện N. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình,

làm ăn thua lỗ. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nên vợ chồng cũng không còn tình cảm. Khoảng 02 năm nay, chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở huyện T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Vợ chồng sống ly thân, ít liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn anh S.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu H xác định giữa chị và anh S có 03 con chung là Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 04/01/2007, Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/6/2009 và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 26/9/2016 (Hiện cháu N, H1 đang ở với anh S; cháu T hiện đang ở với chị H). Sau khi ly hôn, chị H đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, anh S tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu N, H1. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu H đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai của anh Nguyễn Văn S thể hiện: Anh kết hôn với chị H vào tháng 01/2006 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định. Giữa anh và chị H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do làm ăn kinh tế bị thua lỗ, vợ chồng sống ly thân từ khoảng 2 năm nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Đỗ Văn S1 xác định vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 04/01/2007, Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/6/2009 và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 26/9/2016 (Hiện cháu N, H1 đang ở với anh S1; cháu T hiện đang ở với chị H). Vợ chồng ly hôn, anh S1 có quan điểm tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu N và H1 còn chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Anh S1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệu T; giao anh S trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Trần Kim N, Nguyễn Tuấn H1. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S, chị H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng chị H và anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh S là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn S vào tháng 01 năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, làm ăn kinh tế bị thua lỗ. Vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai được khoảng 2 năm nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh S. Phía anh S cũng nhất trí ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị H và anh S là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn S đều thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 04/01/2007; cháu Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/6/2009 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 26/9/2016 (Hiện cháu N và cháu H1 đang ở với anh S; cháu T hiện đang ở với chị H). Vợ chồng ly hôn chị H và anh S đều có quan điểm anh S tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu N và cháu H1 còn chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy: Quan điểm đề nghị nuôi con chung của chị H và anh S là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và cũng theo đúng như nguyện vọng của các cháu nên chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị H và anh S đều không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy quan điểm của chị H và anh S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Thu H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1 - Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn S.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Diệu T, sinh ngày 20/6/2009 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Trần Kim N, sinh ngày 04/01/2007 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 26/9/2016 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001612 ngày 28/2/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H, anh S. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Liễu Đề;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hùng Phương